

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/7/2017

“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Long và ông Phan Quang Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Hà Giang H1, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2017, bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà và ông Hà Giang H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh B. Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do do ông H1 thường xuyên uống rượu và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Hiện tình cảm của bà đối với ông H1 không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hà Giang H1.

Quá trình chung sống, bà và ông H1 có 02 con chung là N, sinh ngày 08/4/2008, và cháu N2, sinh ngày 23/01/2011; các cháu hiện đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Hà Giang H1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa HĐXX, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Hà Giang H1 không cung cấp bản tự khai, tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Hà Giang H1 đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung đề nghị HĐXX giao cháu N và cháu N2 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hà Giang H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét. Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hà Giang H1; đồng thời yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con là N và N2, bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng; bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Hà Giang H1 là bị đơn, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã S, huyện H, tỉnh B nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Ông Hà Giang H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án theo triệu tập được xem là từ bỏ quyền của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định

Ngày 18 tháng 5 năm 2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Hà Giang H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 8 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh B do vậy quan hệ giữa bà H và ông H1 là quan hệ vợ chồng được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Theo quy định tại

khoản 1 Điều 19 luật hôn nhân gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Bà H cho rằng trong quá trình sống chung với ông H1 tại thôn T, xã S, huyện H, ông H1 hay uống rượu và quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông H1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2017, bà Trương Thị Vân là mẹ ruột của ông H1, sống chung nhà với ông H1 và bà H thừa nhận ông H1 và bà H thường xuyên có mâu thuẫn, nhiều lần cãi nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu Nhân và cháu Nhi, nhưng nguyên nhân cụ thể thì bà Vân không biết. Quá trình giải quyết vụ án, ông Hà Giang H1 không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào cũng như không có mặt theo giấy triệu tập để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung là N và N2, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các cháu hiện đang sống với bà H, bà H có thu nhập ổn định nên có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng các cháu và cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử nên giao các con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hà Giang H1.

2. Về con chung:

Giao hai cháu: N, sinh ngày 08/4/2008 và N2, sinh ngày 23/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hà Giang H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hà Giang H1 có quyền thăm nom con chung, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, Ông H1 và bà H có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình bà H đã nộp theo Biên lai số 0011319 ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HỮU TÌNH

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 10 phút ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án huyện H, tỉnh B.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngo.

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2017/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Ông Hà Giang H1, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh B.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

- Ý kiến của bà Ngo: Đã có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Hùng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Ý kiến của ông Sơn: Thống nhất với ý kiến của bà Ngọ về quan hệ hôn nhân. Giao hai cháu Nv và N2 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hà Giang H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xét. Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Ý kiến của ông Tình: Thống nhất với 02 ý kiến trên.

Sau khi thảo luận, HĐXX sơ thẩm 3/3 thành viên nhất trí quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hà Giang H1.

2. Về con chung:

Giao hai cháu: N, sinh ngày 08/4/2008 và N2, sinh ngày 23/01/2011 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hà Giang H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hà Giang H1 có quyền thăm nom con chung, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, Ông H1 và bà H có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân gia đình bà H đã nộp theo Biên lai số 0011319 ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Quyền Kháng cáo

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 19 tháng 4 năm 2017; biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên HĐXX cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HỮU TÌNH